TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM** Bản án số: 72/2022/HS-ST Ngày: 18/7/2022	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông A Brứk và bà Y BLư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Thị Thanh N *(tên gọi khác: Không)*, sinh năm 1963, tại Bình Định. Nơi cư trú: Số N, đường B, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần V (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); bị cáo có chồng là Nguyễn Huy Â (đã chết) và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1983 và con nhỏ nhất sinh năm 1994. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đinh Thị T, sinh năm: 1975.

Trú tại: Số N, đường B, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

2. Anh Lê Hữu Đ, sinh năm: 1982.

Trú tại: Thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

- Người làm chứng:

Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn K1, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 ngày 14/01/2022 Trần Thị Thanh N đang ở nhà tại số N, đường B, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum thì có Lê Hữu Đ và Nguyễn Văn T1 đến nhà N. Đồng hỏi N " *có gái không*" thì N trả lời có và nói Đ đợi để N gọi người đến. Tuy nhiên, do không muốn chờ lâu và ngay lúc này Đ nhìn thấy Đinh Thị T đang đứng chỗ nhà xe của nhà N nên nói với N muốn mua dâm T và được N đồng ý. N nói với T "*Huyền ơi có khách*" sau đó Đ và T đến phòng ngủ của T tại nhà N để thực hiện hành vi mua bán dâm. Khi đang thực hiện hành vi trên thì bị tổ công tác đội 3- Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kiểm tra và bắt quả tang.

Tại thời điểm bắt quả tang mặc dù chưa thanh toán tiền mua dâm nhưng Đ và N đã thỏa thuận mỗi lần mua bán dâm sẽ có giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Đối với Đinh Thị T thì theo thỏa thuận trước đó, T ở tại nhà của Trần Thị Thanh N, được bao ăn, ở không thu tiền. Khi có người đến liên hệ mua dâm thì T sẽ bán dâm cho khách, mỗi lần bán dâm có giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng trong đó T sẽ nhận 100.000 (một trăm nghìn) đồng và Trần Thị Thanh N nhận 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Đây là lần đầu tiên T bán dâm tại nhà N sau khi có thỏa thuận nêu trên.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ số tiền 200.000đ của Lê Hữu Đ, số tiền Đ chuẩn bị để sử dụng vào việc mua dâm; 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 bao cao su chưa qua sử dụng.

Cáo trạng số 15/CT-VKSKT-P2 ngày 06/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Trần Thị Thanh N về tội *"Chứa mại dâm"* theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Thị Thanh N như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh N từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách nhân đôi. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị Tòa án tịch thu, tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 bao cao su chưa qua sử dụng, tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* đã thu của Lê Hữu Đ và 100.000 đồng mà bị cáo N tự nguyện nộp thi hành án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về số tiền 100.000 đồng, mặc dù chưa nhận tiền thu lợi bất chính nhưng do lo sợ và hối hận về hành vi phạm tội nên bị cáo đã tự nguyện nộp tại cơ quan Thi hành án, bị cáo đề nghị sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên toà, bị cáo Trần Thị Thanh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Do có thỏa thuận từ trước, Đinh Thị T ở tại nhà của N, được bao ăn, ở không thu tiền. Khi có người liên hệ đến mua dâm thì T sẽ bán dâm cho khách, mỗi lần bán dâm có giá 200.000đ, trong đó T sẽ nhận lại 100.000đ và N nhận 100.000đ. Ngày 14/01/2022, bị cáo N đã có hành vi chứa mại dâm tại nhà của mình là số N, đường B, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Trong đó, người mua dâm là Lê Hữu Đ, người bán dâm là Đinh Thị T.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh, trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chứa mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng do vụ lợi và coi thường pháp luật nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa mại dâm" theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự, việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (Mặc dù chưa thu lợi bất chính - chưa được nhận tiền từ người mua dâm nhưng do lo sợ, hối hận về hành vi của bản thân và do nhận thức của bị cáo nên đã tự nguyện nộp 100.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố K để sung quỹ nhà nước); bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên

không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, trước khi phạm tội, bị cáo Trần Thị Thanh N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa cũng đủ để bị cáo tự cải tạo, giáo dục bị thành người có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 bao cao su chưa qua sử dụng) không còn giá trị sử dụng. Cần tịch thu và tiêu hủy; Đối với số tiền 200.000đ là tiền anh Đ sử dụng vào việc mua dâm; 100.000 đồng bị cáo N tự nguyện nộp sung công quỹ nhà nước nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7] Đối với Lê Hữu Đ và Đinh Thị T là người mua bán dâm, hành vi của Đ và T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính là đúng quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Thanh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thanh N phạm tội *"Chứa mại dâm"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 327, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh N 18 (*Mười tám*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (*Ba mươi sáu*) tháng kể từ ngày tuyên án (18/7/2022).

Giao bị cáo cho UBND phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu và tiêu hủy đối với: 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 bao cao su chưa qua sử dụng. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) theo ủy nhiệm chi ngày 15/7/2022. Biên bản giao, nhận vật chứng

lập ngày 15/7/2022); Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồ*ng) mà bị cáo Trần Thị Thanh N đã nộp theo biên lai số 0000514 ngày 28/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K.

- Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 6, 21 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Thanh N phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/7/2022). Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP K;
- VKSND Tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan điều tra tỉnh Kon Tum;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP K;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung